

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2019

Tranh chấp ly hôn và chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiến

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06b/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị X, sinh năm 1977 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1950 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã N, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị X trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị X và anh Hoàng E kết hôn năm 1996, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đầm ấm hạnh phúc đến

năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Hoàng E có mối quan hệ bất chính và chung sống với người phụ nữ khác. Chị X và anh Hoàng E sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay vợ chồng không thể chung sống với nhau được nên chị X xin ly hôn với anh Hoàng E.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Th, giới tính: nam, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Cẩm T, giới tính nữ, sinh năm 2000, hiện các con chung đã trưởng thành, chị X không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng có 01 căn nhà ngang 5m, dài 12m, giá trị là 60.000.000đ, căn nhà được cất trên đất của bà Lê Thị H (mẹ ruột chị X), nhà tại ấp P, xã N, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Tại đơn khởi kiện chị X yêu cầu chia đôi tài sản chung, chị yêu cầu được nhận căn nhà và đồng ý giao $\frac{1}{2}$ giá trị cho anh Hoàng E là 30.000.000đ và tại phiên tòa chị X đồng ý rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị X xác định vợ chồng không nợ ai.

Tại bản tự khai đề ngày 26/02/2019 bị đơn đơn anh Nguyễn Hoàng E trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất lời trình bày của chị X về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân. Anh Hoàng E đồng ý ly hôn với chị X.

- *Về con chung*: Thống nhất lời trình bày của chị X về con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung do các con đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Thống nhất lời trình bày của chị X về tài sản chung của vợ chồng là 01 căn nhà có giá trị là 60.000.000đ, được cất trên đất của bà H. Anh Hoàng E yêu cầu được nhận nhà, giao giá trị cho chị X. Trường hợp chị X rút yêu cầu anh Hoàng E thống nhất, anh không yêu cầu chia tài sản trong vụ kiện này.

- *Về nợ chung*: Anh Hoàng E xác định vợ chồng không nợ ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày: Bà có cho vợ chồng chị X, anh Hoàng E mượn đất cất nhà, phần đất ngang 4m, dài 12m, cho mượn khoảng năm 1996. Nay chị X rút yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà thì bà thống nhất, không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70,

71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị X và anh Nguyễn Hoàng E. Về con chung: Các con đã trưởng thành không ai yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung là một nửa giá trị căn nhà là 30.000.000đ của chị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy sự vắng mặt của anh Hoàng E không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Hoàng E.

[2] *Quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị X yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Hoàng E, yêu cầu chia tài sản chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, và chia tài sản chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Chị X và anh Hoàng E được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1996, anh chị chung sống là tự nguyện và không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống anh, chị không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay anh, chị mâu thuẫn và chị X xin ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh Hoàng E.

[4] *Về con chung:* Các con chung đều đã trưởng thành, không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung:* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/02/2019 chị X yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, chị yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà và đồng ý giao $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho anh Hoàng E là 30.000.000đ và tại phiên tòa chị X đồng ý rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị X về việc chia tài sản chung; nếu sau này chị X khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng

vụ án khác. Chị X không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6] *Về nợ chung*: Chị X, anh Hoàng E đều xác định không thiếu nợ ai.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị X chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 do chị X rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên số tiền tạm ứng án phí 750.000đ được hoàn trả cho chị X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57, của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị X và anh Nguyễn Hoàng E.

2. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, không ai yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị X về việc chia tài sản chung.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị X chịu 300.000 đ tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002286 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả cho chị Đỗ Thị X số tiền tạm ứng án phí 750.000đ theo biên lai thu số 0002287 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Đương sự chị X, bà H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2019). Bị đơn anh Nguyễn

Hoàng E vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Bình Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng